

Biểu số: 04/TK-THADS  
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP  
ngày 10 tháng 6 năm 2024  
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG VIỆC CHIA THEO  
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIỆN

Đơn vị, người báo cáo: THADS tỉnh Đắk Lắk  
Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý Thi hành án dân sự

| STT | Tên chi tiêu            | Tổng số giải quyết | Chia ra:                                                               |            |                               | Ủy thác THA | Thu hồi, hủy quyết định THA | Tổng số phải thi hành | Chia ra:              |          |     |       |               |                                      |                                                            |                                                    |                  |                 | Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chấp hành số theo dõi riêng) | Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện |
|-----|-------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|----------|-----|-------|---------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|     |                         |                    | Năm trước chuyển sang có điều kiện THA đã chấp hành số theo dõi riêng) | Thụ lý mới | Tổng số có điều kiện thi hành |             |                             |                       | Tổng số thi hành xong | Chia ra: |     |       | Đang thi hành | Hoàn THA theo điểm c khoản 1 điều 48 | Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) | Hoàn THA (trừ số hoàn theo điểm c khoản 1 Điều 48) | Tạm đình chỉ THA | Trường hợp khác |                                                                                |                                           |
|     |                         |                    |                                                                        |            |                               |             |                             |                       |                       | Chia ra: |     |       |               |                                      |                                                            |                                                    |                  |                 |                                                                                |                                           |
|     |                         |                    |                                                                        |            |                               |             |                             |                       |                       |          |     |       |               |                                      |                                                            |                                                    |                  |                 |                                                                                |                                           |
| A   |                         | 1                  | 2                                                                      | 3          | 4                             | 5           | 6                           | 7                     | 8                     | 9        | 10  | 11    | 12            | 13                                   | 14                                                         | 15                                                 | 16               | 17              | 18                                                                             |                                           |
|     | Tổng số                 | 24.481             | 11.316                                                                 | 13.165     | 37                            | 40          | 24.404                      | 19.070                | 10.996                | 10.805   | 191 | 8.056 | 18            | 4.161                                | 495                                                        | 4                                                  | 674              | 13.408          | 57,66%                                                                         |                                           |
| I   | THADS tỉnh              | 1.004              | 551                                                                    | 453        | 1                             | -           | 1.003                       | 742                   | 430                   | 426      | 4   | 312   | -             | 117                                  | 77                                                         | 2                                                  | 65               | 573             | 57,95%                                                                         |                                           |
| 1   | Vũ Tuấn Anh             | 2                  | -                                                                      | 2          | -                             | -           | 2                           | 2                     | 2                     | 2        | -   | -     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -               | -                                                                              |                                           |
| 2   | Nguyễn Mạnh Hùng        | 2                  | -                                                                      | 2          | -                             | -           | 2                           | 2                     | 2                     | 2        | -   | -     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -               | -                                                                              |                                           |
| 3   | Phan Hùng Dũng          | 2                  | -                                                                      | 2          | -                             | -           | 2                           | 2                     | 2                     | 2        | -   | -     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -               | -                                                                              |                                           |
| 4   | Nguyễn Công Đồng        | 3                  | -                                                                      | 3          | -                             | -           | 3                           | 3                     | 3                     | 3        | -   | -     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | -               | -                                                                              |                                           |
| 5   | Lê Danh Hải             | 45                 | 4                                                                      | 41         | -                             | -           | 45                          | 45                    | 35                    | 35       | -   | 10    | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | 10              | 77,78%                                                                         |                                           |
| 6   | Trần Văn Đình           | 4                  | -                                                                      | 4          | -                             | -           | 4                           | 2                     | 1                     | 1        | -   | 1     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | 2                | 3               | 50,00%                                                                         |                                           |
| 7   | Hoàng Đức Sĩ            | 15                 | 3                                                                      | 12         | -                             | -           | 15                          | 15                    | 10                    | 10       | -   | 5     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | 5               | 66,67%                                                                         |                                           |
| 8   | Võ Thành Luân           | 102                | 51                                                                     | 51         | -                             | -           | 102                         | 85                    | 49                    | 49       | -   | 36    | -             | 16                                   | -                                                          | -                                                  | 1                | 53              | 57,65%                                                                         |                                           |
| 9   | Phạm Xuân Pha           | 149                | 122                                                                    | 27         | 1                             | -           | 148                         | 110                   | 60                    | 59       | 1   | 50    | -             | 17                                   | -                                                          | -                                                  | 21               | 88              | 54,55%                                                                         |                                           |
| 10  | Phan Văn Phú            | 195                | 142                                                                    | 53         | -                             | -           | 195                         | 96                    | 54                    | 54       | -   | 42    | -             | 25                                   | 65                                                         | -                                                  | 9                | 141             | 56,25%                                                                         |                                           |
| 11  | Nguyễn Hoàng Anh        | 198                | 116                                                                    | 82         | -                             | -           | 198                         | 140                   | 80                    | 78       | 2   | 60    | -             | 22                                   | 4                                                          | 2                                                  | 30               | 118             | 57,14%                                                                         |                                           |
| 12  | Nguyễn Thị Như Quỳnh    | 60                 | 22                                                                     | 38         | -                             | -           | 60                          | 59                    | 22                    | 22       | -   | 37    | -             | 1                                    | -                                                          | -                                                  | -                | 38              | 37,29%                                                                         |                                           |
| 13  | Đoàn Thị Đoàn           | 112                | 59                                                                     | 53         | -                             | -           | 112                         | 79                    | 54                    | 54       | -   | 25    | -             | 28                                   | 3                                                          | -                                                  | 2                | 58              | 68,35%                                                                         |                                           |
| 14  | Cao Tiến Dũng           | 111                | 32                                                                     | 79         | -                             | -           | 111                         | 98                    | 54                    | 53       | 1   | 44    | -             | 8                                    | 5                                                          | -                                                  | -                | 57              | 55,10%                                                                         |                                           |
| 15  | Nguyễn Đình Kiên        | 4                  | -                                                                      | 4          | -                             | -           | 4                           | 4                     | 2                     | 2        | -   | 2     | -             | -                                    | -                                                          | -                                                  | -                | 2               | 50,00%                                                                         |                                           |
| II  | Các Phòng THADS khu vực | 23.477             | 10.765                                                                 | 12.712     | 36                            | 40          | 23.401                      | 18.328                | 10.566                | 10.379   | 187 | 7.744 | 18            | 4.044                                | 418                                                        | 2                                                  | 609              | 12.835          | 57,65%                                                                         |                                           |
| I   | Phòng THADS khu vực I   | 4.800              | 2.038                                                                  | 2.762      | 15                            | 8           | 4.777                       | 3.801                 | 1.901                 | 1.875    | 26  | 1.897 | 3             | 774                                  | 49                                                         | 2                                                  | 151              | 2.876           | 50,01%                                                                         |                                           |
| 1.1 | Nguyễn Anh Tuấn         | 261                | 75                                                                     | 186        | 2                             | -           | 259                         | 246                   | 172                   | 169      | 3   | 74    | -             | 9                                    | 2                                                          | -                                                  | 2                | 87              | 69,92%                                                                         |                                           |
| 1.2 | Phan Văn Trung          | 418                | 246                                                                    | 172        | -                             | 1           | 417                         | 315                   | 132                   | 131      | 1   | 180   | 3             | 94                                   | 2                                                          | -                                                  | 6                | 285             | 41,90%                                                                         |                                           |
| 1.3 | Hoàng Thị Thu Phương    | 346                | 155                                                                    | 191        | 2                             | 4           | 340                         | 299                   | 128                   | 127      | 1   | 171   | -             | 26                                   | 2                                                          | -                                                  | 13               | 212             | 42,81%                                                                         |                                           |
| 1.4 | Nguyễn Mạnh Hùng        | 487                | 221                                                                    | 266        | -                             | -           | 487                         | 401                   | 189                   | 184      | 5   | 212   | -             | 78                                   | 1                                                          | -                                                  | 7                | 298             | 47,13%                                                                         |                                           |

Đơn vị tính: Triệu và %

|      |                       |       |     |     |   |   |       |       |     |     |   |     |   |     |    |   |     |     |         |
|------|-----------------------|-------|-----|-----|---|---|-------|-------|-----|-----|---|-----|---|-----|----|---|-----|-----|---------|
| 1.5  | Trần Văn Sơn          | 610   | 277 | 333 | 8 | 1 | 601   | 501   | 270 | 265 | 5 | 231 | - | 97  | 1  | - | 2   | 331 | 53,89%  |
| 1.6  | Phan Xuân Bình        | 643   | 328 | 315 | - | - | 643   | 463   | 193 | 192 | 1 | 270 | - | 163 | 9  | - | 8   | 450 | 41,68%  |
| 1.7  | Lê Thành Văn          | 439   | 245 | 194 | - | 2 | 437   | 309   | 145 | 141 | 4 | 164 | - | 64  | 15 | 2 | 47  | 292 | 46,93%  |
| 1.8  | Hoàng Quốc Dũng       | 506   | 222 | 284 | - | - | 506   | 387   | 178 | 176 | 2 | 209 | - | 102 | 6  | - | 11  | 328 | 45,99%  |
| 1.9  | Đặng Văn Luân         | 443   | 196 | 247 | 3 | - | 440   | 339   | 176 | 174 | 2 | 163 | - | 87  | 7  | - | 7   | 264 | 51,92%  |
| 1.10 | Nguyễn Thái Chín      | 127   | 1   | 126 | - | - | 127   | 110   | 55  | 54  | 1 | 55  | - | 2   | 2  | - | 13  | 72  | 50,00%  |
| 1.11 | Hoàng Hải             | 184   | 28  | 156 | - | - | 184   | 140   | 73  | 72  | 1 | 67  | - | 29  | 1  | - | 14  | 111 | 52,14%  |
| 1.13 | Bùi Thị Kim chi       | 196   | 44  | 152 | - | - | 196   | 160   | 71  | 71  | - | 89  | - | 20  | -  | - | 16  | 125 | 44,38%  |
| 1.14 | Nguyễn Thị Bình       | 140   | -   | 140 | - | - | 140   | 131   | 119 | 119 | - | 12  | - | 3   | 1  | - | 5   | 21  | 90,84%  |
| 2    | Phòng THADS khu vực 2 | 864   | 346 | 518 | - | - | 864   | 671   | 429 | 425 | 4 | 242 | - | 171 | 5  | - | 17  | 435 | 63,93%  |
| 2.1  | Nguyễn Trọng Dũng     | 127   | 54  | 73  | - | - | 127   | 103   | 61  | 61  | - | 42  | - | 22  | 2  | - | -   | 66  | 59,22%  |
| 2.2  | Nguyễn Kim Tuấn       | 158   | 97  | 61  | - | - | 158   | 98    | 55  | 54  | 1 | 43  | - | 59  | 1  | - | -   | 103 | 56,12%  |
| 2.3  | Phan Ngọc Sơn         | 149   | 65  | 84  | - | - | 149   | 106   | 59  | 58  | 1 | 47  | - | 41  | 2  | - | -   | 90  | 55,66%  |
| 2.4  | Đặng Công Châu        | 210   | 41  | 169 | - | - | 210   | 183   | 143 | 141 | 2 | 40  | - | 10  | -  | - | 17  | 67  | 78,14%  |
| 2.5  | Nguyễn Văn Ban        | 220   | 89  | 131 | - | - | 220   | 181   | 111 | 111 | - | 70  | - | 39  | -  | - | -   | 109 | 61,33%  |
| 3    | Phòng THADS khu vực 3 | 1.563 | 856 | 707 | - | 2 | 1.561 | 1.141 | 563 | 558 | 5 | 578 | - | 308 | 37 | - | 75  | 998 | 49,34%  |
| 3.1  | Trần Quốc Toàn        | 178   | 73  | 105 | - | 1 | 177   | 129   | 120 | 118 | 2 | 9   | - | 39  | 9  | - | -   | 57  | 93,02%  |
| 3.2  | Nguyễn Thị Lan Hương  | 436   | 230 | 206 | - | - | 436   | 325   | 137 | 135 | 2 | 188 | - | 78  | 14 | - | 19  | 299 | 42,15%  |
| 3.3  | Nguyễn Văn Tấn        | 364   | 280 | 84  | - | 1 | 363   | 187   | 76  | 75  | 1 | 111 | - | 151 | 9  | - | 16  | 287 | 40,64%  |
| 3.4  | Lê Hồng Thuý          | 271   | 148 | 123 | - | - | 271   | 226   | 103 | 103 | - | 123 | - | 10  | 3  | - | 32  | 168 | 45,58%  |
| 3.5  | Đào Thị Hương         | 314   | 125 | 189 | - | - | 314   | 274   | 127 | 127 | - | 147 | - | 30  | 2  | - | 8   | 187 | 46,35%  |
| 4    | Phòng THADS khu vực 4 | 1.618 | 709 | 909 | 2 | - | 1.616 | 1.241 | 825 | 816 | 9 | 415 | 1 | 254 | 41 | - | 80  | 791 | 66,48%  |
| 4.1  | Lê Khắc Đức           | 5     | -   | 5   | - | - | 5     | 5     | 5   | 5   | - | -   | - | -   | -  | - | -   | -   | 100,00% |
| 4.2  | Hồ Thị Thanh Lý       | 393   | 200 | 193 | - | - | 393   | 244   | 155 | 155 | - | 89  | - | 109 | 5  | - | 35  | 238 | 63,52%  |
| 4.3  | Hoàng Văn Đình        | 375   | 157 | 218 | 2 | - | 373   | 301   | 235 | 232 | 3 | 66  | - | 38  | 11 | - | 23  | 138 | 78,07%  |
| 4.4  | Nguyễn Thị Tâm        | 198   | 58  | 140 | - | - | 198   | 184   | 134 | 134 | - | 49  | 1 | 2   | 11 | - | 1   | 64  | 72,83%  |
| 4.5  | Lê Ánh Tín            | 450   | 178 | 272 | - | - | 450   | 376   | 265 | 259 | 6 | 111 | - | 60  | 14 | - | -   | 185 | 70,48%  |
| 4.6  | Nguyễn Đình Minh      | 197   | 116 | 81  | - | - | 197   | 131   | 31  | 31  | - | 100 | - | 45  | -  | - | 21  | 166 | 23,66%  |
| 5    | Phòng THADS khu vực 5 | 1.204 | 631 | 573 | - | 2 | 1.202 | 919   | 553 | 550 | 3 | 365 | 1 | 167 | 13 | - | 103 | 649 | 60,17%  |
| 5.1  | Trần Tiến Dũng        | 132   | 46  | 86  | - | - | 132   | 125   | 93  | 93  | - | 32  | - | 2   | 1  | - | 4   | 39  | 74,40%  |

|     |                              |       |     |     |   |   |       |       |     |     |    |     |   |     |    |   |    |     |         |
|-----|------------------------------|-------|-----|-----|---|---|-------|-------|-----|-----|----|-----|---|-----|----|---|----|-----|---------|
| 5.2 | Nguyễn Thị Hà                | 192   | 97  | 95  | - | - | 192   | 156   | 102 | 102 | -  | 53  | 1 | 26  | 6  | - | 4  | 90  | 65,38%  |
| 5.3 | Phạm Công Thuận              | 174   | 94  | 80  | - | - | 174   | 122   | 69  | 68  | 1  | 53  | - | 29  | -  | - | 23 | 105 | 56,56%  |
| 5.4 | Dương Minh Thông             | 197   | 113 | 84  | - | - | 197   | 162   | 91  | 91  | -  | 71  | - | 32  | -  | - | 3  | 106 | 56,17%  |
| 5.5 | Trịnh Bích Vân               | 269   | 131 | 138 | - | - | 269   | 214   | 124 | 124 | -  | 90  | - | 16  | 6  | - | 33 | 145 | 57,94%  |
| 5.6 | Nguyễn Gia Hưng              | 240   | 150 | 90  | - | 2 | 238   | 140   | 74  | 72  | 2  | 66  | - | 62  | -  | - | 36 | 164 | 52,86%  |
| 6   | <b>Phòng THADS khu vực 6</b> | 670   | 266 | 404 | 1 | 1 | 668   | 575   | 404 | 393 | 11 | 171 | - | 61  | 16 | - | 16 | 264 | 70,26%  |
| 6.1 | Nguyễn Đức Thọ               | 87    | 4   | 83  | - | - | 87    | 84    | 81  | 80  | 1  | 3   | - | 3   | -  | - | -  | 6   | 96,43%  |
| 6.2 | Đỗ Hữu Hưng                  | 131   | 33  | 98  | - | - | 131   | 123   | 81  | 81  | -  | 42  | - | 7   | 1  | - | -  | 50  | 65,85%  |
| 6.3 | Hà Thiế Khuyển               | 125   | 64  | 61  | - | - | 125   | 109   | 69  | 64  | 5  | 40  | - | 12  | -  | - | 4  | 56  | 63,30%  |
| 6.4 | Phạm Thị Hồng                | 181   | 93  | 88  | 1 | - | 180   | 133   | 97  | 97  | -  | 36  | - | 23  | 12 | - | 12 | 83  | 72,93%  |
| 6.7 | Trần Anh Toàn                | 146   | 72  | 74  | - | 1 | 145   | 126   | 76  | 71  | 5  | 50  | - | 16  | 3  | - | -  | 69  | 60,32%  |
| 7   | <b>Phòng THADS khu vực 7</b> | 1.495 | 638 | 857 | 2 | 1 | 1.492 | 1.128 | 777 | 764 | 13 | 351 | - | 298 | 42 | - | 24 | 715 | 68,88%  |
| 7.1 | Hoàng Văn Trung              | 368   | 196 | 172 | 2 | - | 366   | 237   | 154 | 152 | 2  | 83  | - | 110 | 8  | - | 11 | 212 | 64,98%  |
| 7.3 | Nguyễn Văn Đình              | 208   | 71  | 137 | - | - | 208   | 166   | 108 | 106 | 2  | 58  | - | 39  | -  | - | 3  | 100 | 65,06%  |
| 7.4 | Đỗ Ngọc Hoàng                | 245   | 107 | 138 | - | - | 245   | 200   | 141 | 140 | 1  | 59  | - | 26  | 9  | - | 10 | 104 | 70,50%  |
| 7.6 | Đào Xuân Duẩn                | 290   | 68  | 222 | - | 1 | 289   | 257   | 216 | 211 | 5  | 41  | - | 26  | 6  | - | -  | 73  | 84,05%  |
| 7.7 | Nguyễn Bá Nghĩa              | 191   | 112 | 79  | - | - | 191   | 127   | 72  | 70  | 2  | 55  | - | 52  | 12 | - | -  | 119 | 56,69%  |
| 7.8 | Vân Thị Tý                   | 193   | 84  | 109 | - | - | 193   | 141   | 86  | 85  | 1  | 55  | - | 45  | 7  | - | -  | 107 | 60,99%  |
| 8   | <b>Phòng THADS khu vực 8</b> | 1.031 | 549 | 482 | - | 6 | 1.025 | 725   | 480 | 444 | 36 | 243 | 2 | 241 | 57 | - | 2  | 545 | 66,21%  |
| 8.1 | Nguyễn Huy Thành             | 134   | 105 | 49  | - | 1 | 153   | 99    | 37  | 36  | 1  | 60  | 2 | 43  | 10 | - | 1  | 116 | 37,37%  |
| 8.2 | Dương Văn Biên               | 211   | 102 | 109 | - | 2 | 209   | 134   | 95  | 92  | 3  | 39  | - | 61  | 14 | - | -  | 114 | 70,90%  |
| 8.3 | Phạm Thanh Thao              | 241   | 105 | 136 | - | - | 241   | 196   | 131 | 120 | 11 | 65  | - | 33  | 12 | - | -  | 110 | 66,84%  |
| 8.4 | Nguyễn Thị Thủy              | 194   | 91  | 103 | - | 2 | 192   | 143   | 119 | 111 | 8  | 24  | - | 38  | 10 | - | 1  | 73  | 83,22%  |
| 8.5 | Trần Trọng Việt Hà           | 224   | 146 | 78  | - | 1 | 223   | 146   | 91  | 78  | 13 | 55  | - | 66  | 11 | - | -  | 132 | 62,33%  |
| 8.6 | Trương Hoài Vũ               | 7     | -   | 7   | - | - | 7     | 7     | 7   | 7   | -  | -   | - | -   | -  | - | -  | -   | 100,00% |
| 9   | <b>Phòng THADS khu vực 9</b> | 1.199 | 648 | 551 | - | - | 1.199 | 815   | 504 | 489 | 15 | 311 | - | 351 | 31 | - | 2  | 695 | 61,84%  |
| 9.1 | Hoàng Văn Mười               | 166   | -   | 166 | - | - | 166   | 166   | 141 | 141 | -  | 25  | - | -   | -  | - | -  | 25  | 84,94%  |

[illegible]

|      |                        |       |     |     |   |   |       |       |     |     |    |     |   |     |    |   |   |     |        |
|------|------------------------|-------|-----|-----|---|---|-------|-------|-----|-----|----|-----|---|-----|----|---|---|-----|--------|
| 14   | Phòng THADS khu vực 14 | 1.511 | 705 | 806 | 5 | 6 | 1.500 | 1.231 | 694 | 680 | 14 | 533 | 4 | 236 | 25 | - | 8 | 806 | 56,38% |
| 14.1 | Huỳnh Ngọc Tuấn        | 228   | 88  | 140 | - | 2 | 226   | 210   | 124 | 120 | 4  | 86  | - | 14  | 1  | - | 1 | 102 | 59,05% |
| 14.2 | Đỗ Thị Huyền Trang     | -     | -   | -   | - | - | -     | -     | -   | -   | -  | -   | - | -   | -  | - | - | -   | -      |
| 14.3 | Hồ Ngọc Phi            | 409   | 247 | 162 | - | 1 | 408   | 274   | 112 | 108 | 4  | 160 | 2 | 110 | 17 | - | 7 | 296 | 40,88% |
| 14.4 | Tương Văn Bằng         | 552   | 175 | 377 | 1 | 3 | 548   | 514   | 356 | 353 | 3  | 156 | 2 | 28  | 6  | - | - | 192 | 69,26% |
| 14.5 | Huỳnh Công Trí         | 322   | 195 | 127 | 4 | - | 318   | 223   | 102 | 99  | 3  | 131 | - | 84  | 1  | - | - | 216 | 43,78% |
| 15   | Phòng THADS khu vực 15 | 941   | 321 | 620 | - | 3 | 938   | 807   | 492 | 481 | 11 | 311 | 4 | 125 | 3  | - | 3 | 446 | 60,97% |
| 15.1 | Đỗ Phương Hoa          | 243   | 91  | 152 | - | 1 | 242   | 199   | 122 | 118 | 4  | 77  | - | 42  | 1  | - | - | 120 | 61,31% |
| 15.2 | Võ Hồng Linh           | 219   | 81  | 138 | - | - | 219   | 187   | 90  | 89  | 1  | 96  | 1 | 30  | -  | - | 2 | 129 | 48,13% |
| 15.3 | Trần Thị Kim Phương    | 247   | 76  | 171 | - | 2 | 243   | 217   | 163 | 159 | 4  | 52  | 2 | 27  | 1  | - | - | 82  | 75,12% |
| 15.4 | Trần Duy Vũ            | 232   | 73  | 159 | - | - | 232   | 204   | 117 | 115 | 2  | 86  | 1 | 26  | 1  | - | 1 | 115 | 57,35% |

Đắc Lắc, ngày 02 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

*[Signature]*

Nguyễn Hữu Thành



ĐẮC LẮC, ngày 02 tháng 6 năm 2026  
TRƯỞNG THỊ HÀNH AN DÂN SỰ

*[Signature]*  
Nguyễn Tuấn Anh

